

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Vũ Mạnh Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Ngọc Lan và ông Nguyễn Trọng Vinh.

*Thư ký phiên tòa:* bà Dương Bùi Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 265/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Y, sinh năm 1984. Nơi cư trú: 360/38/36 đường B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trương T, sinh năm 1979. Nơi thường trú: tổ C, khu phố X, phường H, Thành phố Đ.

*(Bà Mai Thị Y có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Trương T vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn là bà Mai Thị Y trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông Nguyễn Trương T tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/KH quyền số: 01/2014 ngày 05/05/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau khi sinh con vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2019, do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, hay ăn nhậu và bài bạc. Bà Y đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình không tan vỡ, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Mai Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trương T.

+ Về con chung: Quá trình chung sống bà Y và ông T, có 01 con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 26/6/2014. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Trương T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày, tranh luận.*

*\* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: (1) Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Mai Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Trương T (2) Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 26/6/2014 cho bà Mai Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu; (3) Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết; (4) Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: bà Mai Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trương T và yêu cầu trực tiếp nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Trương T có nơi thường trú: tổ C, khu phố X, phường H, thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Trương T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/KH, quyền số 01/2014 ngày 05/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Y, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu, bài bạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ năm 2019, bà Y đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng không

thể hàn gắn. Nay bà Y xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông T nên yêu cầu ly hôn. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài từ năm 2019, bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà Y, thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Mai Thị Y ly hôn với ông Nguyễn Trương T.

[4] Về con chung: Theo bà Y trình bày, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 26/6/2014. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy, cháu H hiện đang được bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai, cháu H thể hiện nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục sống cùng mẹ. Ông T không có ý kiến và không cung cấp được chứng cứ chứng minh có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn bà Y. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con trẻ, cần tiếp tục giao con chung cho bà Mai Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm thời, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu.

[5] Về tài sản, nợ chung: Bà Mai Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét. Về nợ chung, bà Y trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Mai Thị Y là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà Mai Thị Y phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 19, 51, 56, 70, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình theo Văn bản hợp nhất số 121/VBHN-VPQH ngày 27/8/2025 của Văn phòng Q;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Mai Thị Y về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn ông Nguyễn Trương T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Trương T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 26/6/2014 cho bà Mai Thị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Tạm thời ông Nguyễn Trương T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không yêu cầu

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007203 ngày 31/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Bà Y đã nộp đủ án phí

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng (GCNKH số: 22/KH ngày 05/5/2014, đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mạnh Cường**